TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2026/LĐ-PT
Ngày: 17/7/2026.
V/v Đòi tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà **Châu Kim Anh**

Các Thẩm phán: ông **Trương Văn Hiền**
bà **Phạm Thị Thanh Trúc**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Nguyễn Thị Thanh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh***: ông **Tôn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 63/LĐPT ngày 15/05/2026 về việc: "Tranh chấp đòi tiền lương".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2026/LĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3813/2026/QĐPT-LĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10039/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông **Trương Hữu Đ**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 2/6A đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh T1**
Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Thái B, sinh năm 1972
Địa chỉ trụ sở: Số 11A-13-15, đường C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 68/240 đường E, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền số 01/2025/GUQ ngày 28/8/2025)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông luật sư Phạm Văn S - Công ty Luật TNHH P thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đặng Thái B**, sinh năm 1972
Địa chỉ: Số 09 đường C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư T2**
Địa chỉ: Số 300/48 đường H, phường I, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **PHAN VĂN C**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 1041/109A đường K, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Tòa S502, Chung cư V, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Hoàng Việt P**, sinh năm: 1977
Địa chỉ: căn hộ 6-20 Chung cư 79C P, phường I, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: F603 Chung cư X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: ông Trương Hữu Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/2/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/4/2025; các bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và quá trình tố tụng tại phiên Tòa nguyên đơn ông Trương Hữu Đ trình bày:**

Từ ngày 28/12/2022 đến ngày 19/03/2024, nguyên đơn làm việc cho bị đơn theo thỏa thuận miệng với ông Đặng Thái B - đại diện pháp luật, với vai trò giám sát công trình Văn phòng - Khách sạn tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (phụ trách giám sát về chất lượng, tiến độ, An toàn lao động và Vệ sinh môi trường). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ công việc theo sự phân công, các hình ảnh làm việc, tin nhắn Zalo/email trao đổi công việc, và sao kê Ngân hàng thể hiện việc ông B – đại diện pháp luật của Công ty T1 thanh toán lương qua tài khoản cá nhân cho ông.

Tính đến thời điểm nghỉ việc (ngày 19/03/2024), bị đơn không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản, vi phạm quy định tại Điều 14 và Điều 18 Bộ luật Lao động 2019, còn nợ ông với tổng số tiền là 192.903.225 đồng. Ngoài ra, Công ty còn tự ý giảm lương từ 25.000.000 đồng/tháng xuống 15.000.000đồng/tháng mà không có văn bản, vi phạm Điều 94 và 95 Bộ luật Lao động 2019.

Mặc dù, ông từng được bổ nhiệm trên danh nghĩa là giám sát trưởng của Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH MTV Đầu tư T2, nhưng đơn vị này không trả lương, không có hợp đồng lao động và chỉ đóng vai trò pháp nhân trong việc ký hồ sơ nghiệm thu công trình. Ông làm việc theo sự chỉ đạo trực tiếp từ phía ông B và bị đơn. Việc thanh toán tiền lương cũng do bị đơn thực hiện thông qua ông B – Đại diện pháp luật. Tại thời điểm ông làm việc cho bị đơn ông mới nghỉ việc bên Công ty cũ và đang chờ được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, do vậy ông cũng không có nhu cầu để ký hợp đồng lao động với bị đơn.

Nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền lương nhưng không được đáp ứng. Ông đã khiếu nại lên Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội Quận 7 nhưng chỉ nhận được câu trả lời qua tin nhắn zalo của cán bộ phòng là không được giải quyết do không có hợp đồng lao động và không thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Sau đó nguyên đơn tiếp tục khiếu nại lên Thanh tra Sở Lao động - Thương binh & Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị từ chối vì hết thời hiệu giải quyết và không có hợp đồng lao động.

Do vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc Công ty CP ĐT KD T1 thanh toán số tiền lương còn nợ là 192.903.225 đồng.

2. Buộc Công ty thanh toán lãi chậm trả theo Điều 97 BLLĐ 2019 và Điều 357, Điều 468 BLDS 2015 là 22.976.771 đồng.

3. Buộc Công ty bồi thường phần tiền chênh lệch do hạ lương trái pháp luật, căn cứ mức lương ban đầu 25.000.000 đồng/tháng là 65.322.581 đồng.

4. Yêu cầu Tòa án xác định có quan hệ lao động thực tế giữa ông và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh T1 để làm căn cứ buộc bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Bộ luật Lao động.

*** Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh T1 có ông Nguyễn Đình T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chưa từng ký hợp đồng lao động

với bị đơn, không phải nhân viên của Công ty. Việc nguyên đơn ký vào các biên bản kiểm tra, làm việc của cơ quan chuyên môn đã được Công ty giải trình đầy đủ. Nguyên đơn vào công trình làm việc là với tư cách nhân viên Tư vấn giám sát của Công ty T2 (là Công ty ký hợp đồng giám sát với Công ty T1).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thái B trình bày:** Ông biết nguyên đơn thông qua ông Hoàng Việt P và Công ty T2. Theo lời giới thiệu của ông P thì ông đồng ý để ông Đ vào giám sát công trình xây dựng khách sạn tại Quận 7. Ông khẳng định đây chỉ là mối quan hệ giữa ông, Hoàng Việt P và ông Đ. Ông chưa từng đề nghị ông Đ ký hợp đồng lao động với Công ty T1. Việc trả lương cho ông Đ hàng tháng là tư cách cá nhân ông trả, không liên quan đến Công ty T1. Giữa ông và ông Đ không có thỏa thuận lương tháng 25.000.000 đồng như ông Đ trình bày.

*** Người làm chứng ông Hoàng Việt P trình bày :**

Ông có mối quan hệ quen biết với ông Đặng Thái B, đồng thời là đồng nghiệp cũ của ông Trương Hữu Đ tại Công ty S. Ông B có phải là giám đốc Công ty T1 hay không ông không rõ và không biết. Cuối năm 2022, ông B nói với ông là cần người giám sát cho công trình xây dựng Văn phòng khách sạn tại Quận 7 nên ông đã giới thiệu ông Đ cho ông B. Sau này việc thỏa thuận về lương là do ông Đ tự làm việc với ông B, Công ty T1 có ký hợp đồng với ông Đ hay không ông không biết. Trong quá trình làm việc nếu phát sinh công việc tại công trình thì ông Đ sẽ trao đổi với ông do ông cũng là người hỗ trợ ông B trong dự án. Sau này giữa ông Đ và ông B phát sinh tranh chấp về tiền lương, ông Đ cũng thông qua ông, ông cũng báo lại cho ông B nhưng kết quả giải quyết giữa 02 người như thế nào thì ông không rõ và không biết. Ông xác nhận ông Đ đã làm việc tại công trình với vai trò là giám sát công trình từ tháng 12/2022 đến khoảng tháng 03/2024. Ông cũng là người giới thiệu Công ty T2 cho ông B làm đơn vị Tư vấn giám sát cho Công trình khách sạn tại Quận 7. Để bảo đảm về mặt pháp lý xây dựng thì Công ty T2 phải ra quyết định bổ nhiệm nhân sự tư vấn giám sát trưởng cho ông Đ.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện giữa ông Đ và Công ty T1 ông không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ông xác định không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong tranh chấp này nên đề nghị Tòa án cho phép ông được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa.

***Người làm chứng ông Phan Văn C trình bày:**

Ông là nhân viên của Công ty G là đơn vị thi công xây dựng công trình Quận 7 do Công ty T1 là Chủ đầu tư. Khoảng tháng 7/2023 ông bắt đầu làm việc tại công trình, quá trình làm việc thông qua quyết định bổ nhiệm ông được biết ông Trương Hữu Đ là nhân viên tư vấn giám sát của Công ty T2 tại công trình. Ngoài ra ông chưa từng được nghe hay nhận bất kỳ văn bản nào với nội dung ông Đ là nhân viên của Công ty T1.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông không có ý kiến gì. Ông có đơn đề nghị được vắng mặt.

***Người làm chứng Nguyễn Thị Y trình bày:**

Bà là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh T1. Hiện nay, Công ty là bị đơn trong vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 33/2025/TLST-LĐ ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Tranh chấp đòi tiền lương" với nguyên đơn.

Bà là người lao động của Công ty kể từ ngày 01/07/2018 theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa hai bên. Chức vụ: Kế toán trưởng, Phòng Kế Toán. Công ty chỉ có 02 người lao động là bà và ông Đặng Thái B. Công ty kê khai, đóng bảo hiểm xã hội cho bà và ông B. Ngoài ra, Công ty không có bất kỳ người lao động nào khác.

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận lao động và yêu cầu đòi tiền lương thì theo bà đây là mối quan hệ cá nhân giữa ông Đặng Thái B và nguyên đơn, không liên quan đến Công ty. Công ty không ký hợp đồng lao động, chưa bao giờ trả lương cũng như chưa kê khai, đóng bảo hiểm xã hội theo quy định cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không đủ điều kiện được coi là người lao động Công ty theo quy định pháp luật lao động (do không kí hợp đồng lao động và không có bất kỳ mối quan hệ nào với Công ty T1).

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2026/LĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Đầu tư T2, người làm chứng ông Hoàng Việt P và ông Phan Văn C.

2. Về nội dung: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hữu Đ đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh T1 về việc:

Yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ là 192.903.225 đồng;

Trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/12/2022 đến ngày 14/02/2025 là 22.567.792 đồng; Buộc bồi thường phần chênh lệch lương là 65.322.581 đồng; Đề nghị Tòa xác định có quan hệ lao động thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, nguyên đơn – ông Trương Hữu Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Không cung cấp thêm được chứng cứ mới, mức lương 25 triệu đồng/tháng theo nguyên đơn cũng là thỏa thuận bằng lời nói. Trong quá trình nhận tiền từ ông B cũng chưa bao giờ được nhận 25 triệu đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Hai bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, chấp nhận về hình thức, để được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tiền tố tụng: Ngày 26/12/2024 nguyên đơn gửi đơn khiếu nại đến Thanh tra Sở Lao động Thương binh Xã hội. Ngày 30/12/2024 Sở Lao động Thương binh Xã hội đã lập biên bản làm việc với ông Trương Hữu Đ về đơn khiếu nại và ngày 07/01/2025 ra thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông Đ với lý do thời hiệu khiếu nại theo quy định đã hết (ông Đ nghỉ việc từ ngày 19/3/2024 nhưng đến ngày 05/12/2024 mới gửi đơn thực hiện khiếu nại lần đầu) là thuộc trường hợp hết thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật lao động. Tòa án cấp sơ thẩm *căn cứ xem đây là bước hòa giải cơ sở nguyên đơn đã thực hiện và vụ án đủ điều kiện khởi kiện theo quy định* là không có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ Luật Lao động 2019 và khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ là 192.903.225 đồng: tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/12/2022 đến ngày 14/02/2025 là 22.567.792 đồng; buộc bồi thường phần chênh lệch lương là 65.322.581 đồng. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với căn cứ là nguyên đơn làm việc tại Công trình với tư cách là nhân viên tư vấn giám sát của Công ty T2 ký hợp đồng giám sát với bị đơn. Do đó, vấn đề Hội đồng xét xử cần đặt ra là có việc giao kết hợp đồng như nguyên đơn trình bày hay không làm căn cứ giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản Sao kê tài khoản; Các hình ảnh chụp tại công trình; Vi bằng số 708/2025/VB-TPLQ8 ngày 17/4/2025 thể hiện các tin nhắn zalo giữa nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng ông Phương. Thừa nhận của bị đơn, đủ cơ sở xác định nguyên đơn là người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giám sát tại công trình Văn phòng Khách sạn Quận 7 do bị đơn làm Chủ đầu tư.

[2.2] Căn cứ Quyết định bổ nhiệm của Công ty TNHH T2 là đơn vị tư vấn giám sát công trình thì nguyên đơn là giám sát trưởng. Nguyên đơn cho rằng việc bổ nhiệm này theo đề nghị của bị đơn, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, không được bị đơn thừa nhận.

[2.3] Nguyên đơn nêu thỏa thuận HĐLĐ giữa hai bên bằng lời nói, đồng thời không ký kết hợp đồng lao động vì đang chờ nhận bảo hiểm thất nghiệp, do mới nghỉ việc tại một công ty khác. Nhưng không được bị đơn thừa nhận có giao kết HĐLĐ bằng lời nói.

[2.4] Từ những căn cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn không ký kết HĐLĐ, không phải là người lao động của bị đơn là có căn cứ.

[3] Xét số tiền ông Đặng Thái B trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn thừa nhận không có nhu cầu ký HĐLĐ, do đó cũng không chứng minh được thỏa thuận tiền lương trả 25 triệu đồng/tháng. Tiền lương theo bảng sao kê ngân hàng cũng không thể hiện được trả liên tục là 25 triệu mỗi tháng. Ông Đặng Thái B nêu việc chuyển tiền cho nguyên đơn là thỏa thuận riêng, không liên quan đến bị đơn. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Do không được chấp nhận yêu cầu đòi tiền lương và công nhận quan hệ lao động; nên việc xác định hết thời hiệu khởi kiện như nhận định ở Mục [2] để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do thiếu thủ tục tiền tố tụng, cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án. Ngoài ra bị đơn không kháng cáo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Nguyên đơn có đơn xin miễn giảm án phí, không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 01/2026/LĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hữu Đ đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh T về việc: Yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lương còn nợ là 192.903.225 đồng; Trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/12/2022 đến ngày 14/02/2025 là 22.567.792 đồng; Buộc bồi thường phần chênh lệch lương là 65.322.581 đồng; Đề nghị Tòa xác định có quan hệ lao động thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn.

2. Án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.